

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 4 năm 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Vĩnh, ông Lò Văn Chiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 2/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T T H, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh N Đ T, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu,. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị T T H trình bày:

Chị H và anh T có đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/4/2013, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi chung sống với nhau anh chị hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đánh đập chị H, có lần còn đe dọa cả gia đình nhà chị, anh T cũng không quan tâm đến vợ con. Anh chị ly thân nhau được 02 năm nay, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, đến nay chị không còn tình cảm với anh T nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung, tên là N T Á T, sinh ngày .. và N T B A, sinh ngày ... Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T sẽ nuôi cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh đối với gia đình anh T, Công an xã B, UBND xã B và trưởng bản A xác định như sau: Anh T và chị H có được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn với nhau, sau khi cưới thì anh chị đi làm xa, nên anh chị có mâu thuẫn với nhau cụ thể như thế nào thì không rõ, anh chị thỉnh thoảng về thăm gia đình, anh T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Gia đình cũng không muốn anh chị ly hôn.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu A và cháu T. Ý kiến của cháu A sau khi bố mẹ ly hôn thì cháu không biết nên ở cùng ai, còn cháu T thì muốn ở cùng mẹ sau khi bố và mẹ ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị T T H, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị T T H được ly hôn với anh N Đ T. Về con chung: Giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T T H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh N Đ T. Chị H có địa chỉ tại Tổ dân phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Thái Nguyên. Anh T có địa chỉ tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị H là người khởi kiện nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T T H và anh N Đ T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2013, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không quan tâm đến nhau, giữa anh chị không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Hai anh chị đã ly thân nhau khoảng 02 năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, giải quyết cho chị T T H được ly hôn với anh N Đ T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung, tên là N T Á T, sinh ngày .. và N T B A, sinh ngày ... Hiện nay 02 cháu đang ở với chị H. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Còn cháu A sẽ do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hiện tại anh chị đều đi làm thuê, có thu nhập ổn định. Để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho chị H là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu A cho anh T là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T T H được ly hôn với anh N Đ T.

Về con chung: Giao cháu N T Á T, sinh ngày .. cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu N T B A, sinh ngày .. cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H và anh T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị T T H và anh N Đ T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T T H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0000370 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ. Xác nhận chị T T H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá

